

CÔNG KHAI TÀI CHÍNH

Ngày 28 tháng 04 năm 2026

STT	Diễn giải	Đơn vị tính	Tổng Cộng		
			Đơn giá	Số lượng	Thành tiền
1	2	3	4	5	6
Hôm trước chuyển sang					0
Suất ăn và tiêu chuẩn trong ngày					
					20,000
					268
					5,360,000
Được chi trong ngày					5,360,000
Đã chi trong ngày					5,360,000
1. Dịch vụ					402,000
1	chất đốt		1,500	268	402,000
2. Kho					926,630
Ăn chính					926,630
1	Bột canh	Gói	4,000	4	16,000
2	Gạo tẻ	Kg	15,500	24.4	378,200
3	Đường kính	Kg	32,500	0.5	16,250
4	Nước mắm cá loại I	Chai	74,000	0.6	44,400
5	Hạt nêm Aji-ngon	Kg	62,000	0.59	36,580
6	Dầu simply	Lít	68,000	6.4	435,200
3. Đi chợ					4,031,370
Ăn chính					4,031,370
1	Cà chua	Kg	20,000	3	60,000
2	Cà rốt (củ đỏ, vàng)	Kg	25,000	2.5	62,500
3	Giá đậu xanh	Kg	18,000	7	126,000
4	Hành củ tươi	Kg	35,000	0.3	10,500
5	Mướp	Kg	20,000	5	100,000
6	Rau mồng tơi	Kg	15,000	4.8	72,000
7	Rau ngót	Kg	25,000	2	50,000
8	Tỏi	Kg	50,000	0.1	5,000
9	Chuối tiêu	Quả	1,300	268	348,400
10	Thịt bò loại I	Kg	240,000	8.6	2,064,000
11	Tôm biển	Kg	170,000	3	510,000
12	Đậu Phụ	Kg	25,000	10	250,000
13	Lá chanh	Kg	1,000	0.97	970
14	Hành lá	Kg	35,000	1	35,000
15	Thịt lợn nạc	Kg	130,000	2	260,000
16	Bầu xanh	Kg	15,000	3	45,000
17	Gia vị bò kho sốt vang	Gói	7,000	4	28,000
18	Gừng tươi	Kg	40,000	0.1	4,000
Chênh lệch cuối ngày					0

Kế toán

Vũ Thị Na

Phó hiệu trưởng

Ngô Thị Phương Thảo

